**Tuần 1**

**Tiết 1**

**BÀI 1: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Ôn tập củng cố cách đọc, viết và xếp thứ tự các số từ 1 đến 100.

- Biết cách đọc, viết các số có hai chữ số theo phân tích cấu tạo số.

\* Phát triển năng lực ngôn ngữ; NL tự chủ, tự học; NL giải quyết vấn đề; NL giao tiếp và hợp tác.

\* Phát triển phẩm chất: Yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. Giáo viên: Bài giảng Power point.

2. Học sinh: Sách Toán, vở ô li, nháp ....

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG HỌC** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **1. Khởi động**- GV tổ chức cho HS hoạt động tập thể: hát vận động bài ***Tập đếm.***- GV nhận xét.- GV giới thiệu vào bài. **Bài 1: ôn tập các số đến 100.** | - HS hát và vận động theo video bài hát Tập đếm.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe – nhắc tựa bài. |
| **2. Luyện tập, thực hành****Bài 1a: Tìm số còn thiếu ở ô trống rồi đọc Bảng các số từ 1 đến 100.**- GV gọi HS xác định yêu cầu bài.- Yêu cầu HS làm việc cá nhân.* GV nếu câu hỏi

+ Bảng 100 gồm một trăm số từ 1 đến 100 được săp xếp theo thứ tự nào?+ Dựa vào Bảng 100 có thể đếm bằng những cách nào?+ Dựa vào Bảng 100 có thể so sánh các số như thế nào?+ Nêu các số tròn chục?+ Nêu các số có hai chữ số giống nhau?-Tùy thời gian có thể nêu thêm câu hỏi.- GV nhận xét, tuyên dương. | - Đọc và xác định yêu cầu bài.- HS làm VBT hoàn thành bảng các số số từ 1 đến 100.- HS đổi chéo VBT kiểm tra.- HS chia sẻ bài làm của mình.- Lớp quan sát, nhận xét bài bạn.\* **Dự kiến câu trả lời:**+ Bảng 100 gồm một trăm số từ 1 đến 100 được săp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.+ Có thể đếm theo đơn vị, đếm theo chục, đếm từ một số nào đó, đếm thêm, đếm bớt….+ Số nào đếm trước thì bé hơn, số nào đếm sau thì lớn hơn,…\* **Dự kiến câu trả lời:**+ 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90+ 11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99 - HS lắng nghe. |
| **Bài 1b: Trong Bảng các số từ 1 đến 100 hãy chỉ ra:** - GV gọi HS xác định yêu cầu bài.- Yêu cầu HS làm bài cá nhân sau đó đổi chéo vở chia sẻ bài với bạn.- GV chiếu bài của HS.+ Số bé nhất có một chữ số là số nào?+ Số bé nhất có hai chữ số là số nào?+ Số lớn nhất có một chữ số là số nào?+ Số lớn nhất có hai chữ số là số nào?- GV nhận xét, chốt ý: Cần nắm vững thứ tự số để đọc, viết và xếp thứ tự đúng Bảng số 100. | - HS đọc và xác định yêu cầu bài.- HS làm bài cá nhân sau đó đổi chéo vở chia sẻ bài với bạn.- HS đọc bài làm.\* **Dự kiến câu trả lời:**+ số 1+ số 10+ số 9+ số 99- HS lắng nghe. |
| **Bài 2a: Số?**- GV cho HS đọc yêu cầu bài 2a.- Chữa bài dưới hình thức trò chơi: Chia lớp thành 2 đội chơi thi “Ai nhanh, ai đúng”.Tổ 1+2 là đội 1, tổ 3+4 là đội 2. Mỗi đội 2 người xếp thành hàng 1 (mỗi người điền 2ô) dùng bút dạ để điền theo thứ tự lần lượt đến hết bảng. Đội nào kết quả đúng mà nhanh hơn đội đó về nhất. Tùy tình hình thực tế chơi. - Giáo viên tổng kết trò chơi, tuyên dương đội thắng cuộc. | - HS đọc đề bài. Làm VBT.- HS tham gia trò chơi dưới sự hướng dẫn của GV.- Cả lớp quan sát 2 đội chơi và cùng chữa bài.- HS lắng nghe. |
| **Bài 2b:** **Trả lời các câu hỏi:**- HS đọc yêu cầu bài 2b- Yêu cầu HS làm bài vào vở bài tập.- Chữa bài theo hình thức trò chơi “đố bạn” theo từng cặp đôi.- GV nhận xét, chốt ý: HS phải xác định được số chục, số đơn vị trong số có hai chữ số, viết số có hai chữ số dưới dạng tổng các số tròn chục và số đơn vị, cách thành lập số có hai chữ số khi biết số chục và số đơn vị để vận dụng làm dạng bài trên. | - 1 HS đọc yêu cầu bài tập, lớp đọc thầm.- Làm VBT.- Từng cặp chữa bài.- HS lắng nghe. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm****Trò chơi “hái hoa học trò”:**- GV nêu tên trò chơi và phổ biến cách chơi, luật chơi.- Cách chơi: GV đặt sẵn 2 chiếc lọ cắm các bông hoa giấy có ghi số ở mặt bông hoa. GV nêu yêu cầu và HS của 2 đội chơi được gọi sẽ lên chọn bông hoa phù hợp để đính lên bảng. - GV thao tác mẫu.- GV cho HS thảo luận nhóm ba.- Tổ chức cho 2 nhóm lên thi tiếp sức. - GV nhận xét, khen ngợi HS.- GV yêu cầu HS nêu lại nội dung bài.- GV nhấn mạnh kiến thức tiết học.- GV đánh giá, động viên, khích lệ HS.- Dặn dò: Chuẩn bị bài sau. | - HS lắng nghe biến cách chơi, luật chơi.- HS tham gia trò chơi.- HS quan sát- HS thảo luận nhóm 3.- 2 Nhóm lên thi tiếp sức.- HS lắng nghe. **-** HS nêu nội dung bài.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

**Tuần 1**

**Tiết 2**

**BÀI 1: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nắm chắc cách so sánh các số có hai chữ số

- Làm quen với ước lượng số đồ vật theo các nhóm 1 chục.

\* Phát triển năng lực ngôn ngữ; NL tự chủ, tự học; NL giải quyết vấn đề; NL giao tiếp và hợp tác.

\* Phát triển phẩm chất: Yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Giáo viên: Bài giảng Power point.

2. Học sinh: Sách Toán, vở ô li, nháp...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **1. Khởi động**- GV tổ chức cho HS hoạt động tập thể: hát vận động bài ***Tập đếm.***- Đếm các số từ 46 đến 63- Nêu các số tròn chục?- GV giới thiệu vào bài. **Bài 1: ôn tập các số đến 100 (t2)** | - HS hát và vận động theo video bài hát ***Tập đếm.***- HS thực hiện đếm.- HS nêu.- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập, thực hành****Bài 3: Câu nào đúng, câu nào sai?**- GV ghi bài 3, HD HS xác định yêu cầu bài.- GV cho HS làm bài tập. - GV chữa bài bằng hình thức giơ thẻ Đ/S\* HS thảo luận và chia sẻ ý kiến về cách so sánh hai số:+ Muốn so sánh các số có hai chữ số ta làm như thế nào?+ Ngoài cách so sánh trên ta còn cách nào nữa?+ Yêu cầu HS so sánh cụ thể trên phép tính b, rồi kết luận Đ hay S.+ Hiện kết quả đáp án trên slide\* Câu hỏi phát triển năng lực:+ Trong các số đã cho, số nào lớn nhất, số nào bé nhất? - GV nhận xét, chốt ý: Khi so sánh các số có hai chữ số, ta so sánh chữ số hàng chục trước, số nào có hàng chục lớn hơn thì số đó lớn hơn. Nếu hàng chục bằng nhau ta so sánh đến hàng đơn vị, số nào có hàng đơn vị lớn hơn thì số đó lớn hơn. | - Đọc và xác định yêu cầu bài.- Làm VBT.- Q/sát bài chữa và nêu ý kiến:\* **Dự kiến câu trả lời:**+ số nào đếm trước thì bé hơn+ Ta so sánh số hàng chục trước, số nào có hàng chục lớn hơn thì số đó lớn hơn. Nếu hàng chục bằng nhau ta so sánh đến hàng đơn vị.+ HS nêu + HS trả lời+ HS lắng nghe |
| **Bài 4: Ước lượng theo nhóm chục?**- GV cho HS đọc yêu cầu bài 4.- GV đưa bài lên bảng.- Ước lượng theo nhóm chục:+ Hai bạn nhỏ trong tranh ước lượng số lượng quyển sách bằng cách nào?+ Từ ngữ nào được hai bạn sử dụng khi ước lượng?- Nhắm mắt lại tưởng tượng trong đầu: Nếu cô có 1 chục quyển sách Toán, cô xếp chồng lên nhau thì chồng sách đó cao bằng chừng nào? Tương tự với 2, 3 chục quyển sách.**b. Trả lời các câu hỏi?**- Yêu cầu HS đếm để kiểm tra lại kết quả sau khi ước lượng (đếm theo chục sau khi san thành các chồng 1 chục quyển sách)- Đối chiếu số lượng ước lượng ban đầu: nêu kết quả có 43 quyển sách.- GV chỉ vào tranh.- HS thực hiện các yêu cầu ở câu a, b: GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi ước lượng số con trong hình và kiểm tra bằng cách đếm lại:+ Ước lượng số con kiến (trong hình vẽ) theo nhóm chục (nhóm mẫu được chọn là số kiến trong một hàng)+ Đếm để kiểm tra số lượng và đối chiếu vơi sước lượng ban dầu.- GV nhận xét, chốt ý: Cách ước lượng theo nhóm chục:+ Chọn nhóm mẫu có số lượng khoảng 1 chục+ Ước lượng theo số lượng nhóm mẫu vì trong cuộc sống không phải lúc nào ta cũng có thể đếm được chính xác số lượng của nhóm vật, vì vậy việc ước lượng để biết số lượng gần đúng là rất cần thiết.**3. Vận dụng, trải nghiệm**- Trò chơi: “Ai tinh mắt hơn” cho HS ước lượng nhóm đồ vật qua hình vẽ chiếu trên slide (2 - 3 hình vẽ)- GV nêu lại nội dung bài.- GV nhấn mạnh kiến thức tiết học- GV đánh giá, động viên, khích lệ HS.- Dặn dò: Chuẩn bị bài sau. | + HS đọc yêu cầu bài 4.+ Cả lớp quan sát. \* **Dự kiến câu trả lời:**+ HS trả lời con số ước lượng theo quan sát bằng mắt.+ 10 quyển sách / 1 chục quyển sách.+ HS làm động tác giơ 2 tay để mô tả.- HS phân tích mẫu để nhận biết các thao tác ước lượng:+ Ước lượng theo nhóm chục: bạn gái ước lượng mỗi chồng sách có khoảng 1 chục quyển sách. Có 4 chồng sách, vì vậy có khoảng 4 chục quyển sách.+ HS đếm+ HS trả lời số lượng sách có sau khi đếm.+ Trả lời theo ước lượng qua quan sát hình vẽ.+ HS đếm và đối chiếu.+ HS lắng nghe.- HS nào giơ tay nhanh nhất ưu tiên gọi chơi.- HS nhận xét kết quả bạn chơi.- HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

**Tuần 1**

**Tiết 3**

**BÀI 2: ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (KHÔNG NHỚ)**

**TRONG PHẠM VI 100.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Ôn tập về phép cộng, phép trừ ( không nhớ ) trong phạm vi 100 gồm các dạng bài cơ bản về: tính nhẩm, tính viết ( đặt tính rồi tính ) , thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính.

\* Phát triển năng lực ngôn ngữ; NL tự chủ, tự học; NL giải quyết vấn đề; NL giao tiếp và hợp tác.

\* Phát triển phẩm chất: Yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Giáo viên: Bài giảng Power point.

2. Học sinh: Sách Toán, vở ô li, nháp...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **1. Khởi động**- GV tổ chức cho HS hoạt động tập thể: hát vận động bài Tập đếm- GV giới thiệu vào bài. **Bài 2: ôn tập về phép cộng, phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100.**  | - HS hát và vận động theo video bài hát Tập đếm.- HS lắng nghe – nhắc tựa bài. |
| **2. Luyện tập, thực hành****Bài 1: Tính:** a) - Gọi học sinh nêu yêu cầu bài tập.- GV chiếu slide. HS quan sát các phép tính rồi tự hoàn thành cá nhân.- Chữa bài theo dãy (nối tiếp mỗi 1HS 1 phép tính) \* HS thảo luận và chia sẻ ý kiến về các phép tính phần a:+ Các phép tính cộng có điểm gì giống nhau?+ Các phép tính trừ có điểm gì giống nhau?+ Ai có thể lấy ví dụ về phép cộng và phép trừ tương tự như vừa làm?- Bật slide đáp án.b) - Cách làm tương tự như phần a- Khuyến khích HS nêu cách nhẩm:- GV nhận xét, chốt ý: Để thực hiện nhẩm đúng, nhẩm nhanh các số trong phạm vi 20 chúng ta có thể đếm bớt, đếm thêm hoặc tách số có hai chữ số thành số chục và số đơn vị. | - Đọc và xác định yêu cầu bài.- Làm VBT- Quan sát bài chữa và nêu ý kiến nhận xét.\* **Dự kiến câu trả lời:**+ Số tròn chục cộng với số có 1 chữ số.+ Hàng đơn vị của số có hai chữ số giống số đứng sau dấu trừ.+ HS nêu ví dụ.+ HS kiểm tra đối chiếu.\* **Dự kiến câu trả lời:**+ Đếm thêm hoặc đếm bớt +13 + 5 nhẩm như sau:13 gồm 1 chục và 3 đơn vị, lấy 3 + 5 = 8. 8 thêm 1 chục bằng 18. Vậy 13 + 5 = 18- HS lắng nghe. |
| **Bài 2: Đặt tính rồi tính.**- Gọi học sinh nêu yêu cầu bài tập.+ Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân vào vở Toán.- Gv bật slide đáp án, yêu cầu chữa bài.+ Nêu các bước khi làm tính dọc.+ Gọi 2 - 3 HS nêu cách thực hiện.- GV nhận xét, chốt ý: Để làm dạng bài đặt tính rồi tính ta thực hiện 2 bước: B1 đặt tính. B2 tính. Khi đặt tính ta viết ST1 trước sau đó viết ST2 ở dưới thẳng hàng với ST1 sao cho hàng đv thẳng hàng đv, hàng chục thẳng hàng chục, dấu + (-) ở bên trái giữa hai số, kẻ ngang thay cho dấu bằng. Khi tính từ phải sang trái. Kết quả viết dưới cùng thẳng hàng. Lưu ý trường hợp pt số có 2chữ số + (-) với số có 1chữ số, đặt tính hay bị lệch hàng. | - 1 HS đọc yêu cầu bài tập, lớp đọc thầm.+ Đặt tính rồi tính.- Cả lớp làm vở ô li Toán.- HS đổi chéo vở kiểm tra đối chiếu.- HS nêu trên 1 con tính cụ thể.- HS nêu.- HS lắng nghe, 1 HS nhắc lại. |
| **Bài 3a: Tính.**- Gọi học sinh nêu yêu cầu bài tập.- Gv yêu cầu HS làm việc cá nhân vào vở bài tập sau đó đổi chéo vở dò bài với bạn.- Gv chữa bài theo cặp nối tiếp.+ Nêu cách nhẩm 80 + 10?+ Phép tính vừa có dấu +, vừa có cả dấu - con nhẩm như thế nào?**3b.** - Gv chữa bài tương tự phần a lưu ý HS không cần viết kết quả trung gian (bước đó chỉ làm miệng). | - HS đọc, xác định yêu cầu bài.- HS làm VBT.+ 3 cặp chữa bài.\* **Dự kiến câu trả lời:**+ 8 chục + 1 chục = 9 chục - Vậy 80 + 10 = 90+ Con nhẩm theo thứ tự từ trái sang phải.- Làm VBT.+ HS nêu cụ thể cách tính khi chữa bài. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm**- GV nêu tên trò chơi và phổ biến cách chơi, luật chơi.- Cách chơi: GV đưa ra 1 phép tính mà HS làm theo 3 cách tính viết khác nhau (sai do đặt tính lệch cột, tính sai và 1 PT đùng) - GV cho HS thảo luận nhóm ba.- GV cho HS dùng thẻ Đ/S nêu ý kiến.- Hỏi: Vì sao PT đó con cho là sai?- GV nhận xét, khen ngợi HS.- GV nêu lại nội dung bài.- GV nhận xét tiết học.- Dặn dò HS chuẩn bị bài sau. | - HS nghe phổ biến luật chơi.- HS thảo luận nhóm.- HS giơ thẻ Đ/S.- HS trả lời.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

**Tuần 1**

**Tiết 4**

**BÀI 2: ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (KHÔNG NHỚ)**

**TRONG PHẠM VI 100.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Ôn tập về phép cộng, phép trừ ( không nhớ ) trong phạm vi 100 và vận dụng các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

\* Phát triển năng lực ngôn ngữ; NL tự chủ, tự học; NL giải quyết vấn đề; NL giao tiếp và hợp tác.

\* Phát triển phẩm chất: Yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Giáo viên: Bài giảng Power point.

2. Học sinh: Sách Toán, vở ô li, nháp...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **1. Khởi động**- GV tổ chức cho HS hoạt động tập thể: hát vận động bài Tập đếm- GV giới thiệu vào bài.  | - HS hát và vận động theo video bài hát Tập đếm.- HS lắng nghe – nhắc lại. |
| **2. Luyện tập, thực hành****Bài 4: Tìm lỗi sai trong mỗi phép tính sau rồi sửa lại cho đúng.**- GV ghi bài 4, HD HS xác định yêu cầu bài.- Gv chiếu slide. HS quan sát các phép tính rồi làm:- Chữa bài nối tiếp theo dãy \* GV hỏi cách làm bài của HS:+ Lỗi sai của phép tính 1 là gì?+ Phép tính 2 sai chỗ nào?+ Lỗi sai của phép tính 3?+ Lỗi sai đó nhắc chúng ta điều gì?- Bật slide đáp án. - GV nhận xét, chốt ý: Để làm đúng dạng tính viết đúng lưu ý đặt tính chuẩn và thực hiện tính từ phải sang trái | - Đọc và xác định yêu cầu bài.- Làm VBT- Quan sát bài chữa và nêu ý kiến nhận xét.\* **Dự kiến câu trả lời:****+** Sai ở phần tính toán. Kết quả đúng là 88.+ Sai phần đặt tính, kết quả đúng là 92.+ Sai phần đặt tính, kết quả đúng là 19.+ Cẩn thận khi đặt tính và tính toán.+ HS kiểm tra bài làm+ HS lắng nghe. |
| **Bài 5: Toán có lời văn.**- GV ghi bài 5, HD HS xác định yêu cầu bài.- GV yêu cầu HS phân tích đề bài.+ Yêu cầu HS làm bài.+ GV chữa bài.+ Cho HS đổi chéo vở kiểm tra.- Bật slide đáp án - GV nhận xét, chốt ý: Để làm dạng toán có lời văn cần đọc kĩ đề bài, phân tích dữ liệu đề bài cho để xác định được phép tính đúng. | - Đọc và xác định yêu cầu bài.\* **Dự kiến câu trả lời:**- 2 HS phân tích đề.+ Đề bài cho biết gì?+ Đề bài cho biết trên xe buýt có 37 người, đến điểm dừng 11 người xuống xe.+ Bài toán hỏi gì?+ Hỏi trên xe buýt còn lại bao nhiêu người?+ Cả lớp làm vở ô li Toán.+ HS kiểm tra vở nhau.+ HS kiểm tra bài làm+ HS lắng nghe, 1 học sinh nhắc lại. |
| **Bài 6: Tính**- GV ghi bài 6, HD HS xác định yêu cầu bài.- Tổ chức dưới dạng trò chơi **“Ai nhanh, ai đúng”** Tổ 1+2 là đội 1, tổ 3+4 là đội 2. Mỗi đội 4 người xếp thành hàng 1, mỗi người lập 1 pt đúng từ bộ thẻ số Gv đã chuẩn bị. Đội nào kết quả đúng mà nhanh hơn đội đó về nhất. Tùy tình hình thực tế chơi GV kết luận.+ Tổ chức trò chơi.- GV nhận xét và công bố kết quả trò chơi.- GV nhận xét, chốt ý: Từ 3 số đề bài cho có thể lập được 4 phép tính đúng (2 phép tính cộng, 2 phép tính trừ). Qua đó ta biết được các pt này đều có quan hệ với nhau, giúp chúng ta tính nhẩm nhanh và dễ dàng hơn. **3. Vận dụng, trải nghiệm**- GV nêu lại nội dung bài.- Dặn dò HS ghi nhớ và vận dụng làm bài tập trong VBT toán. | - Đọc và xác định yêu cầu bài.-HS nghe gv hd cách chơi- Đại diện 2 tổ chơi- HS chơi- Cả lớp cổ vũ- HS n/xét phần chơi của 2 đội.- HS lắng nghe.- HS nêu. - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

**Tuần 1**

**Tiết 5**

**BÀI 3: TIA SỐ. SỐ LIỀN TRƯỚC – SỐ LIỀN SAU (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được tia số, vị trí các số trên tia số, sử dụng tia số để so sánh số

- Nhận biết được số liền trước, số liền sau của một số cho trước.

- Biết xếp thứ tự các số

\* Phát triển năng lực ngôn ngữ; NL tự chủ, tự học; NL giải quyết vấn đề; NL giao tiếp và hợp tác.

\* Phát triển phẩm chất: Yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Giáo viên: Bài giảng Power point.

2. Học sinh: Sách Toán, vở ô li, nháp...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **1. Khởi động**- GV tổ chức cho HS hoạt động tập thể: hát vận động bài Tập đếm- GV giới thiệu vào bài.  | - HS hát và vận động theo video bài hát Tập đếm.- HS lắng nghe. |
| **2. Hình thành kiến thức** **1. Nhận biết tia số**- GV chiếu slide hình ảnh tia số.- GV chỉ tay vào mô hình tia số giới thiệu: đây là tia số, tia số có các vạch cách đều nhau, vạch đầu tiên là số 0, phía cuối cùng của tia số là mũi tên\* Nêu một số đặc điểm nhận dạng của tia số+ Tia số được chia vạch như thế nào?+ Vạch đầu tiên của tia số là số mấy?+ Phía cuối của tia số là gì?**2. Số liền trước, số liền sau**- GV mời HS lên bảng chỉ tay vào từng số dưới mỗi vạch của tia số trên màn hình và đếm: 0,1,2,3…10+ GV bật hiệu ứng số 7 trên tia số đổi màu và nhấp nháy, chỉ và giới thiệu: 6 là số liền trước của số 6, 8 là số liền sau của số 7. | **-** HS quan sát.- Nhắm mắt 30 giây nghĩ về hình ảnh tia số trong đầu.\* **Dự kiến câu trả lời:**+ Tia số được chia vạch cách đều nhau+ Vạch đầu tiên của tia số là số 0+ Phía cuối của tia số là mũi tên.- HS lên bảng thao tác.- HS quan sát. |
| + GV chỉ tay vào một số cụ thể trên mô hình tia số, yêu cầu HS nêu số liền trước, số liền sau của số đã cho.+ HS thực hiện theo cặp chỉ vào một số trong mô hình tia số rồi đố bạn số liền trước-số liền sau của số đó?**-** Gv nhận xét.**3. Luyện tập, thực hành****Bài 1a: Xếp các thẻ số vào vị trí thích hợp dưới mỗi vạch của tia số.**- GV ghi bài 1a, HD HS xác định yêu cầu bài. | - HS quan sát và lắng nghe.- 2 - 3 HS đọc lại.- 2 cặp chỉ vào một số trong mô hình tia số rồi đố bạn số liền trước-số liền sau của số đó.+ HS lắng nghe.- HS đọc và xác định yêu cầu đề bài. |
| - Yêu cầu HS sử dụng bộ đồ dùng.- GV đi kiểm tra từng bàn khi HS thực hành và nhận xét bài làm của HS.- Chiếu slide đáp án bài 1a.**Bài 1b: Trả lời các câu hỏi.**- GV ghi bài 1b, HD HS xác định yêu cầu bài.- GV nhận xét, chốt ý: Để nhận biết số liền trước, số liền sau của một số cho trước ta dựa trên thứ tự vị trí hoặc dựa vào phép cộng hoặc phép trừ (cộng 1 hoặc trừ 1) | - HS thực hành xếp các thẻ số vào vị trí thích hợp.- HS đối chiếu kiểm tra.- HS đọc và xác định yêu cầu đề bài.- HS thực hiện theo cặp đố bạn (1 người hỏi, 1 người trả lời)- Một vài nhóm chia sẻ trước lớp.- HS khác lắng nghe, nhận xét. |
| **Bài 2a: Số?**- GV ghi bài 2a, HD HS xác định yêu cầu bài - GV chữa bài + Tia số được chia vạch như thế nào? + Các số trên tia số được sắp xếp theo thứ tự nào? - So sánh số đứng sau với số đứng trước trên tia số?**Bài 2b: Trả lời các câu hỏi.**GV ghi bài 2b, HD HS xác định+ Cách làm tương tự bài 1b+ Cho HS đố vui theo cặp tìm số liền trước hoặc liền sau của số có 2 chữ số- GV nhận xét, chốt ý: Tia số có các vạch cách đều nhau, các số trên tia số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn theo chiều mũi tên từ trái sang phải. Số đứng sau luôn lớn hơn số đứng trước nó. | - HS đọc và x/ định y/cầu đề bài+ Làm VBT+ Tia số được chia vạch cách đều nhau+ Các số trên tia số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.- Số đứng sau luôn lớn hơn số đứng trước nó.**-** HS xác định yêu cầu.**-** HS làm bài.- 3 cặp HS.- HS lắng nghe.  |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm:****Trò chơi “ONG TÌM SỐ”**- GV nêu tên trò chơi và phổ biến cách chơi, luật chơi.- Cách chơi: GV đặt sẵn 10 thẻ từ ghi các số có 2 chữ số khác nhau lên bảng. GV nêu yêu cầu và HS của 2 đội chơi được gọi sẽ lên chọn thẻ để tạo thành dãy số từ bé đến lớn đính lên bảng. - GV cho HS thảo luận nhóm ba.- Tổ chức cho 2 nhóm lên thi tiếp sức. - GV nhận xét, khen ngợi HS.- Hôm nay học bài gì?- Hôm nay các em biết thêm được điều gì?- GV nhận xét tiết học.- Dặn dò HS chuẩn bị bài sau. | - HS lắng nghe- HS thảo luận nhóm 3.- 2 Nhóm lên thi tiếp sức.- HS lắng nghe- HS nêu lại nội dung bài.- HS nêu.- HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………